

Prao, ngày 9 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào tình hình thực tế, Tổ lớn xây dựng kế hoạch giáo dục, năm học 2024 - 2025 với những nội dung sau:

1. Tình hình của tổ:

1.1. Tình hình đội ngũ:

- Tổng số giáo viên: 14 giáo viên.
- Độ tuổi: + Độ tuổi từ 18 đến 30: 06 giáo viên
- + Độ tuổi từ 30 đến 40: 08 giáo viên
- Trình độ chuyên môn :
 - + Đại học sư phạm: 14 giáo viên/14 giáo viên
- Trình độ tin học: UDTT cơ bản: 13; UCTT cao cấp: 1
- Trình độ ngoại ngữ:
 - + Anh văn B:
 - + Anh văn C:
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động CSND &GD trẻ: 14/14 giáo viên
- Đảng viên: 10 đồng chí. Trong đó: dự bị 2 đồng chí

1.2. Tình hình lớp, trẻ:

a. Tổng số lớp: 07 lớp, trong đó:- 4 lớp 1 độ tuổi

- 2 lớp ghép 2 độ tuổi

- 1 lớp ghép 3 độ tuổi.

b. Tổng số trẻ: 146 trẻ, trong đó: Nữ: 71; Dân tộc: 120; Nữ dân tộc: 55; Có khẩu tại thị trấn: 131

- Trong đó:

+ Mẫu giáo Lớn 1: 28 trẻ

+ Mẫu giáo Lớn 2: 29 trẻ

- + Mẫu giáo Lớn 3: 31 trẻ
- + Mẫu giáo Tàlu: 24 trẻ
- + Mẫu giáo Lớn Tà vạc: 15 trẻ
- + Mẫu giáo Lớn A Dinh: 14 trẻ
- + Mẫu giáo Tàlu: A duông: 3 trẻ

c. Kết quả cân đo trẻ đầu năm học:

- Tổng số trẻ được cân đo đầu năm: 146 trẻ, tỷ lệ: 100 %

- Cân nặng:

+ Kênh bình thường: 140 trẻ ; tỷ lệ: 95,8 %

+SDDTCC: 4, trẻ tỉ lệ: 2,7 %

+ Thừa cân: 2 trẻ, tỷ lệ 1,4 %

- Chiều cao:

+ Kênh bình thường: 140 trẻ ; tỷ lệ: 95,8 %

+ SDDTTC: 2, trẻ tỉ lệ:1,4 %

+SDDTCC: 4, trẻ tỉ lệ: 2,7 %

d. Nề nếp, thói quen trẻ:

- Trẻ có nề nếp, thích được đến trường, lớp, biết đoàn kết giúp đỡ bạn bè, hăng hái tham gia xây dựng bài.

- Trẻ chơi ngoan, đoàn kết, biết nhường nhịn và giúp đỡ bạn trong khi chơi.

- Trẻ có thói quen đến giờ đi ngủ, ngủ ngoan, ngủ đủ giấc, không nói chuyện và không treo chọc bạn khi ngủ.

- Trẻ có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ chơi, không đập phá hoặc tranh đồ chơi của bạn.

- Trẻ trật tự, nghiêm túc, ngoan ngoãn, không nói chuyện riêng khi tham gia vào các hoạt động.

1.3 Thuận lợi, khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Luôn được sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường. Giáo viên đều được tham gia các lớp tập huấn do trường và ngành tổ chức.

- 100% giáo viên sử dụng được công nghệ thông tin

- 100% giáo viên nắm vững phương pháp, nội dung, yêu cầu kiến thức cần cung cấp cho trẻ theo 5 lĩnh vực phát triển.

- Giáo viên trong tổ đều nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ, có tâm huyết với nghề nghiệp, đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp, có tinh thần tự học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Giáo viên luôn gần gũi trẻ để tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý, từ đó có phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ phù hợp.

- 7/7 lớp đều tương đối đầy đủ đồ dùng dạy học cho cô và trẻ.

- 100% giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn. Tất cả giáo viên trong tổ đều có tinh thần tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác.

- Đa số các bậc cha mẹ trẻ đều quan tâm tới việc học tập của trẻ.

b. Khó khăn:

- Một số phụ huynh cưng chiều trẻ quá mức nên ảnh hưởng không nhỏ cho giáo viên trong việc rèn nề nếp cũng như giáo dục trẻ.

- Giáo viên trong tổ nhiều điểm trường nên đôi lúc khó khăn trong việc trao đổi chuyên môn.

- Một số giáo viên còn mới nên còn nhiều hạn chế về kinh nghiệm và đổi mới phương pháp.

- Trẻ điểm thôn đa số là người cơ tu, trẻ còn sử dụng tiếng cơ tu khi đến trường nên còn khó khăn trong giao tiếp.

- Công tác phối kết hợp với phụ huynh còn gặp khó khăn (Một số ít phụ huynh do công việc làm ăn nên chưa dành nhiều thời gian quan tâm đến tình hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của con em mình).

2. Mục tiêu giáo dục năm học

2.1 Chăm sóc trẻ.

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Phần đầu cuối năm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì giảm so với đầu năm học: Cân nặng: giảm 2,86%, Chiều cao: giảm 2,86%

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

- Trẻ được phòng chống các dịch bệnh theo mùa.

- Kiểm tra sức khỏe của trẻ đầu năm: đo chiều cao, đo cân nặng, thị lực cho trẻ

- Trẻ được chăm sóc trong môi trường giáo dục an toàn.

- Trẻ khỏe mạnh hồn nhiên, cơ thể phát triển cân đối hài hòa.

- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, cân đo 3 lần/ năm, được theo dõi và đánh giá sự phát triển về cân nặng và chiều cao theo qui định. Giảm tỷ lệ trẻ mắc các bệnh so với đầu năm học.

- 100% trẻ có kỹ năng và thói quen vệ sinh cá nhân, vệ sinh răng miệng. 100% trẻ biết rửa mặt, rửa tay, tự mặc và cởi được quần áo...

- Đo chiều cao cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần nhằm phát hiện sớm suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Trẻ 60 tháng trở lên theo dõi chỉ số khối cơ thể - BMI

- Theo dõi nhiệt độ cơ thể của trẻ khi trẻ đến lớp.

- Lập kế hoạch phục hồi cho trẻ thừa cân béo phì, suy dinh dưỡng nếu có trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì

2.2. Nuôi dưỡng.

- Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra ngộ độc, dịch bệnh.

- Trẻ nhận biết được tên các loại thực phẩm, món ăn quen thuộc. Biết được món ăn có lợi cho sức khỏe, món ăn ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe.

- Khuyến khích trẻ ăn hết suất, uống đủ nước theo nhu cầu của cơ thể.

- Hướng dẫn trẻ rửa tay sạch trước khi ăn.

- Hướng dẫn trẻ kê, xếp bàn ghế.

- Chuẩn bị khăn mặt, bát, thìa, cốc uống nước đủ cho từng trẻ.

- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, nói năng dạn dàng, động viên, khuyến khích trẻ ăn hết suất.

- Trong khi ăn, cần chú ý đề phòng trẻ bị hóc, sặc.

- Sau khi ăn hướng dẫn trẻ cất thìa và khay đúng nơi quy định.

- Bố trí chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, ánh sáng phù hợp.

- Trẻ biết ăn nhiều rau xanh, ăn nhiều trái cây bổ sung vitamin cho cơ thể khỏe mạnh.

2.3. Giáo dục

a. Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. và có một số tố chất vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Giữ được thăng bằng khi đi trẻ ghế thể dục hoặc tự đi lên – xuống trên ván kê dốc.

- Có khả năng kiểm soát tốt vận động. Thay đổi hướng chạy theo mệnh lệnh.

- Phối hợp chính xác khi tung/ ném/ đập – bắt bóng, có thể ghép, cắt lượn theo khuôn hình, khâu dây giày, cài, coir phéc – mơ – tuya.

- Nhanh nhẹn khéo léo trong chạy nhanh, bò theo đường đích đất.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Thực hiện được một số công việc đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

MT1: Bật xa tối thiểu 50 cm (**CS1**)

MT2: Nhảy xuống được từ độ cao 40cm (**CS2**)

MT3: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động

- Đi lên , xuống ván dốc (dài 2m rộng 0,3m) một đầu kê cao 30cm
- Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây

MT4: Đi chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh

MT5: Phối hợp tay mắt trong vận động; thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

- Tung, đập và bắt bóng nảy 4 – 5 lần. (CS 10)
- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) (CS 3)
- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây (CS 12)
- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất (CS 4)
- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)

MT6: Thực hiện các vận động; phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số vận động

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.
- Gập mở lần lượt từng ngón tay.
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.
- Cắt được theo đường viền các hình vẽ. (CS 7)
- Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc—mơ-tuya.

MT7: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá.... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng.

MT8: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, nướng, rán, kho...; gạo có thể nấu cơm, nấu cháo. (CS 19)

MT9: Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. (CS 20)

MT10: Thực hiện một số việc đơn giản:

- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (CS 15)

- Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày(CS16)
- Tự mặc và cởi quần áo (CS 5)
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/ giặt nước cho sạch.

MT11: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

MT12: Có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vỡ thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

MT13: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh và phòng bệnh : che miệng khi hắt hơi. **(CS17)**

MT14: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh: Bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...

- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. **(cs 21)**
- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. **(cs 22)**
- Không chơi những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. **(cs 23)**

MT15: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Cháy, có người rơi xuống nước, khi người lạ bế ẵm, ra khỏi nhà.

MT16: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.

MT17: Nhảy lò cò 5m, được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. **(cs 9)**

MT18: Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0.25m x 0,35m). **(cs11)**

MT19: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian **(cs13)**

MT20: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. **(cs14)**

MT21: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.**(cs18)**

MT22: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. **(cs24)**

MT23: Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. **(cs25)**

MT24: Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. **(cs26)**

MT25: Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục

MT26: Bò dích dắc qua 5 điểm cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu

MT27: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh

- Biết: cười đùa trong khi ăn uống, hoặc ăn các loại quả có hạt sẽ dễ bị hóc, sặc.....

- Biết không tự ý uống thuốc

- Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ sẽ bị ngộ độc.

b. Phát triển nhận thức

- Thích tìm tòi khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? làm thế nào? Khi nào?

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định, diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

+ Phân loại được một số đối tượng theo 2-3 dấu hiệu cho trước. Tìm ra dấu hiệu phân loại.

+ Phân biệt hôm qua hôm nay, ngày mai.

- + Phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

MT28: Tò mò, tìm tòi, thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh: Như đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?

MT29: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng của các giác quan khác nhau để gọi tên, xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về các đặc điểm của đối tượng.

MT30: Phối hợp các giác quan khác nhau để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.

MT31: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. **(cs93)**

MT32: Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. **(cs 94)**

MT33: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra. **(cs 95)**

MT34: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. **(cs96)**

MT35: Biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

MT36: Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày. **(cs114)**

MT37: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

MT40: Loại bỏ được một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại. **(cs115)**

MT41: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

MT42: Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. **(cs104)**

MT43:Tách, gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. **(cs105)**

MT44:Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

MT45: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. **(cs106)**

MT46: Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

MT47: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và các khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. **(cs 107)**

MT48: Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với vật khác. **(cs 108)**

MT49: So sánh và sử dụng được các từ: To nhất – nhỏ hơn – nhỏ nhất, cao nhất – thấp hơn – thấp nhất, rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất, nhiều hơn – ít hơn – ít nhất.

MT50: Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày.

(cs 110)

MT51: Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ. **(cs 111)**

MT52: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc. **(cs116)**

MT53: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

MT54: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. **(cs29)**

MT55: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. **(cs28)**

MT56: Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. **(cs27)**

MT57: Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

MT58: Nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi trò chuyện.

MT59: Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi.

MT60: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

MT61: Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. **(CS97)**

MT62: Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước.

MT63: Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. **(cs98)**

MT64: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.

MT65: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.

MT66: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. **(cs92)**

MT67: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. **(cs109)**

MT68: Hay đặt câu hỏi. **(cs112)**

MT69: Thích khám phá các hiện tượng sự vật xung quanh. **(cs113)**

MT70: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. **(cs118)**

MT71: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. **(cs119)**

MT72: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

c. Phát triển ngôn ngữ

- Biết lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.

- Hiểu được từ trái nghĩa.
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Nhận dạng được chữ cái và phát âm được các âm đó.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- Đọc và sao chép các kí hiệu.
- Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.
- Giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

MT73: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.

MT74: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. **(CS 63)**

MT75: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

MT76: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng, câu chuyện nào đó để người nghe có thể hiểu. **(CS70)**

MT77: Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày. **(cs66)**

MT78: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hành động. **(cs69)**

MT79: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. **(cs72)**

MT80: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.

MT81: Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.

MT82: Đọc biểu cảm đồng dao, ca dao, thơ dành cho lứa tuổi của trẻ.

MT83: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. **(cs64)**

MT84: Kể cô thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ... trong nội dung truyện.

MT85: Đóng được vai của nhân vật trong truyện.

MT86: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. **(cs117)**

MT87: Sử dụng được các từ; “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... phù hợp với tình huống. **(CS77)**

MT88: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. **(CS73)**

MT89: Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. **(cs120)**

MT90: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

MT91: Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – lối vào, cấm lửa, biển báo giao thông. (cs82)

MT92: Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái – Nhận dạng tiếng Việt. (cs91)

- Nhận dạng được các nhóm chữ cái

MT93: Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (cs89)

MT94: Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (cs90)

MT95: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (cs61)

MT96: Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động. (cs62)

MT97: Nói rõ ràng. (cs65)

MT98: Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (cs67)

MT99: Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. (cs68)

MT100: Kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (cs71)

MT101: Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (cs74)

MT102: Không nói leo, ngắt lời người khác khi trò chuyện. (cs75)

MT103: Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, khi không hiểu người khác nói. (cs76)

MT104: Không nói tục, chửi bậy. (cs78)

MT105: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (cs79)

MT106: Thể hiện sự thích thú với sách. (cs80)

MT107: Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách. (cs81)

MT108: Có một số hành vi như người đọc sách. (cs83)

MT109: Đọc theo truyện tranh đã biết. (cs84)

MT110: Biết kể chuyện theo tranh. (cs85)

MT111: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (cs86)

MT112: Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. (cs87)

MT113: Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (cs88)

d. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

+ Hợp tác chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.

+ Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.

+ Có hành vi, hành vi thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.

+ Vui vẻ nhậm và thực hiện công việc được giao đến cùng.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

MT114: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, – Bản thể tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

MT 115: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và những điều không làm được.

MT 116: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).

MT117: Biết mình là con/cháu/anh/chi/em trong gia đình.

MT118: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

MT119: Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (CS33)

MT120: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. (CS 31)

MT121: Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác (CS 35)

MT122: Biết thổ lộ cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. (Cs 36)

MT123: Biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè (CS 37)

MT124: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ

MT125: Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

MT126: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống của quê hương đất nước

MT127: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng.

MT128: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (CS 54)

MT129: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

MT130: Biết chờ đến lượt (CS 47)

MT131: Lắng Nghe ý kiến của người khác (CS 48)

MT132: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (CS 49)

MT133: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn. **(CS 60)**

MT134: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc **(CS 39)**

MT135: Bỏ rác đúng nơi quy định.

MT136: Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày **(CS 57)**

MT137: Tiết kiệm trong sinh hoạt.

MT138: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân **(CS 29)**

MT139: Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. **(CS30)**

MT140: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. **(CS32)**

MT141: Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. **(CS34)**

MT142: Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc và phù hợp với hoàn cảnh.

(cs40)

MT143: Biết kìm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. **(cs41)**

MT144: Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi. **(CS42)**

MT145: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. **(CS43)**

MT146: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. **(CS44)**

MT147: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. **(CS45)**

MT148: Có nhóm bạn chơi thường xuyên. **(CS46)**

MT149: Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. **(CS50)**

MT150: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. **(CS51)**

MT151: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. **(cs52)**

MT152: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. **(cs53)**

MT153: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. **(cs55)**

MT154: Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. **(CS56)**

MT155: Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. **(CS58)**

MT156: Chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình. **(cs59)**

f. Phát triển thẩm mỹ

- Thích tìm hiểu và biết bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.

- Thích nghe nhạc, nghe hát và ghe đọc thơ, kể chuyện, chăm chú lắng nghe và nhận ra những giai điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc và vần thơ.

- Hát đúng và biết thể hiện sắc thái tình cảm qua các bài hát mà trẻ yêu thích.

- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo các tiết tấu của bài hát, bản nhạc một cách phù hợp.

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

MT157: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh đáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.

MT158: Nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc. (cs 99)

MT159: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

MT160: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát trong hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ. (cs 100)

MT161: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, bản nhạc với các hình thức nhịp điệu (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

MT162: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động các bài hát, theo bản nhạc yêu thích.

MT163: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

MT164:Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (cs 102)

MT165:Trẻ biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có bố cân đối, màu sắc hài hoà.

MT166: Phối hợp các kĩ năng vẽ, cắt, xé dán, để tạo thành một bức tranh có màu sắc hài hoà.

MT167: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.

MT168: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

MT169: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)

MT170:Trẻ biết cách nhận xét các sản phẩm tạo hình về bố cục, nội dung, màu sắc, hình dáng.

MT171: Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

MT172: Tô kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. (CS6)

MT173: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. (CS8)

MT174: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS101)

MT175: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

MT 176: Thể hiện sự thích thú với cái đẹp (CS38)

3. Nội dung

3.1. Hoạt động chăm sóc trẻ:

*** Khám sức khỏe**

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/ năm

*** Cân đo, theo dõi trẻ bằng BĐTT**

Thực hiện đầy đủ lịch cân-đo của trẻ và theo dõi cân nặng, chiều cao của trẻ định kỳ bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế.

*** Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh.**

Giáo viên kết hợp với phụ huynh về công tác phòng chống dịch bệnh cho trẻ.

Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa đối với trẻ như sốt xuất huyết, tay chân miệng.....

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục vệ sinh cá nhân cho trẻ góp phần hình thành nề nếp thói quen tốt, hành vi văn minh có lợi cho sức khỏe của trẻ.

100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân đầy đủ, đồ dùng có ký hiệu riêng. Trẻ được rửa tay dưới vòi nước chảy.

100% trẻ mầm non có nề nếp, thói quen trong hoạt động vệ sinh.

Thực hiện tốt các quy định về vệ sinh như: Vệ sinh cá nhân trẻ, vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”.

Thực hiện tốt các quy định về phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm cho trẻ như bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, bệnh thủy đậu, sởi, đau mắt, giun sán,...

*** Xây dựng môi trường giáo dục an toàn:**

Tuyên truyền giáo dục vệ sinh cá nhân cho trẻ

Nghiêm túc thực hiện thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tập cho trẻ thói quen biết vứt rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, biết bỏ rác vào thùng, biết giữ gìn sân trường lớp học sạch sẽ, tập cho trẻ thói quen lao động dọn vệ sinh hàng ngày: Nhặt rác sau mỗi buổi sáng tập thể dục, hoạt động ngoài trời...bỏ vào thùng đúng nơi quy định.

Thường xuyên thực hiện vệ sinh phòng học sạch sẽ, ngăn nắp và gọn gàng. 100% trẻ tại các lớp trường chính ngủ sạ và có treo màn để phòng muỗi; phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát mùa hè và ấm áp vào mùa đông.

Giáo dục trẻ có thói quen vệ sinh sạch sẽ. Sắp xếp đồ chơi gọn gàng ngăn nắp sau khi chơi xong.

Trang bị tủ thuốc từng lớp.

Thường xuyên chăm sóc góc thiên nhiên của lớp. Phối hợp với cha mẹ trẻ, giáo dục trẻ tham gia xây dựng góc thiên nhiên an toàn- xanh- sạch- đẹp.

3.2. Hoạt động nuôi dưỡng.

- Tuyên truyền với phụ huynh về an toàn thực phẩm về dinh dưỡng trong các bữa ăn nhằm hạn chế trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

- Tuyên truyền về kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học cho các bậc phụ huynh thông qua các buổi họp phụ huynh về nhiều nội dung theo từng thời điểm, rõ ràng dễ hiểu, nhẹ nhàng từ 20 - 25 phút tránh dài dòng phụ huynh không muốn nghe.

Vận động phụ huynh mua sắm đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ.

- Giáo viên tích cực lồng ghép giáo dục dinh dưỡng - vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh cá nhân trẻ vào các hoạt động khác trong ngày tại trường hình thành cho trẻ thói quen, hành vi đúng phù hợp với lứa tuổi của trẻ.

- Giáo dục trẻ không mua quà tới lớp.

- Từng lớp xây dựng kế hoạch cụ thể hoá các biện pháp đối với từng trẻ thuộc diện suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; vận động cha mẹ trẻ cùng thực hiện tốt chế độ sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng, chương trình tập luyện... Thực hiện cân, đo sức khoẻ cho trẻ 3 tháng 1 lần nhưng đối với trẻ sức khoẻ phát triển không bình thường có thể theo dõi cân, đo hàng tháng. Sau mỗi lần cân, đo, khám sức khoẻ, giáo viên thông báo kết quả kịp thời để phụ huynh nắm bắt và tích cực có biện pháp phối hợp.

- Phối hợp thường xuyên với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho trẻ. Quan tâm đến trẻ suy dinh dưỡng và những trẻ mắc các bệnh thông thường.

3.3. Hoạt động giáo dục:

- Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo qui định tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT.

- Thời gian tổ chức thực hiện chương trình GDMN: gồm 35 tuần thực học.

Trong đó:

+ Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 19/01/2025 (có 18 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kỳ II: Từ ngày 20/01/2025 đến ngày 25/5/2025 (có 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho nghỉ lễ, tết và các hoạt động khác).

- Thực hiện đảm bảo chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ tại trường mầm non.

- Đánh giá trẻ đầu năm để có hướng xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục đúng hướng.

- Giáo viên từng lớp hội ý lập kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề sát với khả năng của trẻ và tình hình thực tế. Tích hợp các nội dung giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, quan tâm đến đổi mới tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo đảm bảo theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm” trong quá trình vui chơi tại lớp.

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nội dung giáo dục an toàn giao thông, học thông qua chơi có đáp ứng giới, phòng chống tai nạn thương tích, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, quyền con người, quyền trẻ em vào trong các hoạt động.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động giáo dục cho trẻ.

- Tiếp tục duy trì nâng cao hiệu quả chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”.

a. Phát triển thể chất

Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động : nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.
- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

b. Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Tổ chức cho trẻ trò chuyện, quan sát khám phá, tìm tòi các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ: tự làm thí nghiệm đưa ra nhận xét, xem tranh ảnh về đặc điểm của các bộ phận trên cơ thể người, đặc điểm và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi; Trò chuyện, quan sát về đặc điểm bên ngoài của động vật và thực vật; trò chuyện, quan sát thông qua hình ảnh để biết được một số hiện tượng tự nhiên.

- Tò mò, tìm tòi, thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh: Như đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?

- Tổ chức hoạt động cho trẻ cùng tham gia theo nhóm, cá nhân để trẻ tự đưa ra nhận xét và cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề.

Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.
- Phân loại được một số đối tượng theo 2-3 dấu hiệu cho trước. Tìm ra dấu hiệu phân loại.

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
- Có biểu tượng về số trong phạm vi 10, thêm bớt trong phạm vi 10.
- Tách, gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.

- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.
- Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với vật khác.

- So sánh và đo lường.
- Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày.
- Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.
- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.

Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp

- Tổ chức cho trẻ trò chuyện, thông qua các trò chơi, quan sát hình ảnh để trẻ biết được về bản thân trẻ, gia đình, họ hàng, cộng đồng; trường mẫu giáo;

một số nghề trong xã hội; danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa tại địa phương.

Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng, cộng đồng, quê hương đất nước
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

c. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

d. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

f. Phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).
- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

4. Các hoạt động chuyên môn hỗ trợ phát triển CT GDMN:

Năm học 2024-2025 toàn tổ quyết tâm thực hiện.

a. Thực hiện các chuyên đề

- Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, học thông qua chơi có đáp ứng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu phòng chống thảm họa thiên tai, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.
- Lồng ghép giáo dục đảm bảo theo quyền con người, quyền trẻ em.
- Tiếp cận STEM trong giáo dục và chăm sóc trẻ.
- Trang trí môi trường bên trong và bên ngoài lớp học theo chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện”.

- Chú trọng về việc “Xây dựng trường học hạnh phúc” trong nhà trường. Lòng ghép chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” vào các chủ đề giáo dục trẻ.

- Tạo dựng môi trường giáo dục tăng cường tiếng Việt dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ. Với những nơi dân tộc thiểu số có chữ viết, môi trường giáo dục trong trường, lớp được sử dụng bằng lời nói và chữ viết trên nền tiếng mẹ đẻ của trẻ và tiếng Việt.

- Tiếp tục củng cố các chuyên đề “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ”; “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống”; “Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non”; “Tổ chức bữa ăn học đường cho trẻ”.

- Lòng ghép các nội dung quan sát trẻ, dạy học thông qua chơi có đáp ứng giới vào chương trình của giáo viên. Tổ chức nhiều trò chơi sinh động thu hút trẻ thông qua các hoạt động đã được tập huấn do VVOV tài trợ.

- Thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục trẻ với cộng đồng về chương trình GDMN.

- Phối hợp tham gia tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch đề ra.

b. Tham gia hội thi trong năm

- Cấp trường

+ Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp trường”

+ Hội thi “Lễ hội mùa xuân”

+ Hội thi “Gia đình dinh dưỡng trẻ thơ”

- Cấp huyện

+ Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp huyện”

c. Thực hiện các hoạt động thao giảng và chuyên đề:

*** Thao giảng:**

+ Trong năm tổ chức 02 hoạt động thao giảng cấp trường.

*** Chuyên đề:**

- Tăng cường tiếng Việt và làm quen với văn hóa cơ tu – tháng 10/2024

- Hoạt động góc – tháng 12/2024

- Giáo dục tiếp cận STEM – tháng 2/2025

d. Tổ chức và tham gia các kịch bản trong năm

- Tham gia kịch bản “Ngày hội đến trường của bé”.

- Tham gia kịch bản “Vui hội trăng rằm”.

- Tổ chức kịch bản sinh hoạt văn nghệ 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 19/5.

- Lễ bế giảng, phát thưởng, mừng trẻ 5 tuổi ra trường.

e. Tham quan học tập:

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn của phòng Giáo dục, của nhà trường và tổ chuyên môn

- Dự giờ học hỏi các khối, và nhóm lớp
- Phối hợp nhà trường thăm quan nhà truyền thống của địa phương.
- Phối hợp với nhà trường và phụ huynh cho trẻ tham quan trường tiểu học để chuẩn bị tiền đề cho trẻ vào lớp một.

f. Sự phối hợp với phụ huynh

- 7/7 lớp phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề một cách có hiệu quả (qua các lần hội họp, giờ đón trẻ, qua các tranh ảnh tuyên truyền...).

- 7/7 Lớp phối hợp với phụ huynh tham gia các ngày hội ngày lễ và các hội thi do nhà trường tổ chức.

- Giáo viên cùng phụ huynh xây dựng môi trường trong và lớp học theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” như ý tưởng thiết kế lớp học, ủng hộ cho lớp những đồ dùng tái chế...

5. Chỉ tiêu đạt.

5.1. Hoạt động chăm sóc trẻ

- 100% đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.
- 100 % trẻ được khám sức khỏe đầu vào.
- 100 % trẻ được khám sức khỏe 2 lần /năm
- 100% trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ cá thể.
- Tỷ lệ trẻ có sức khỏe bình thường: 100%.
- Tỷ lệ trẻ SDD các thể loại: 0%
- Tỷ lệ trẻ thừa cân – béo phì: 0%
- Suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể nhẹ cân giảm xuống còn 0%
- Các lớp cân đo sức khỏe trẻ đúng thời gian qui định.
- Đôn đốc cho giáo viên theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng, có đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng lẻ, thực hiện khâu đảm bảo yêu cầu của nhà trường.
- Các lớp thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa đối với trẻ.

5.2. Hoạt động nuôi dưỡng

- Thường xuyên cập nhật thông tin đóng góp từ phụ huynh. Đảm bảo không có học sinh bị ngộ độc thức ăn.

- Tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường ở các lớp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giáo viên tuyên truyền với phụ huynh về an toàn thực phẩm về dinh dưỡng trong các bữa ăn nhằm hạn chế trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

- Có nhiều biện pháp nâng cao trình độ nhận thức cho CBGV trong trường về kiến thức chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

5.3. Hoạt động giáo dục:

- Huy động trẻ trên địa bàn ra lớp trên 100%.
- Duy trì sĩ số thường xuyên đạt trên 100%.
- Hoạt động vệ sinh: 100 %.
- Tỷ lệ chất lượng giáo dục theo 5 lĩnh vực phát triển:
 - + Lĩnh vực phát triển thể chất: 99,31%
 - + Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 99,31%
 - + Lĩnh vực phát triển nhận thức: 99,31%
 - + Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội: 99,31%
 - + Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 99,31%
- Tỷ lệ bé ngoan: Đạt 100 %.
- Tỷ lệ chuyên cần: Đạt 100%.
- Khảo sát đánh giá trẻ các độ tuổi đạt 100 %
- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 100%
- 100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất và tinh thần.
- 100% trẻ biết một số kỹ năng bảo vệ sức khỏe, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, lao động tự phục vụ.
- 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo mục tiêu và được chuẩn bị tốt tâm thế vào lớp 1. Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1.
 - + Phân đầu đến cuối năm học tỉ lệ bé chăm, bé ngoan đạt 70% trở lên
 - Trẻ biết giao tiếp, ứng xử với bạn bè, cô giáo và mọi người qua lời nói, cử chỉ. Dạy trẻ biết lễ phép với người lớn, xưng hô đúng chuẩn mực.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025, đề nghị giáo viên trong tổ nghiêm túc xây dựng kế hoạch và thực hiện ./.

P. HIỆU TRƯỞNG

TỔ TRƯỞNG

Phạm Thị Thúy